TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:44/2020/DS-ST
Ngày: 28/9/2020
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hồng Duy.

Các hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Tiến Tịnh, ông Phan Sỹ Phác.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- *Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà*: Ông Phạm Anh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 2 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXX-DSST ngày 25/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2020/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: A

Người Đ diện theo pháp luật: Ông D, Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Tòa nhà R, Bán Đảo L, quận M, Hà Nội.

Người được ủy quyền: Ông P.

Địa chỉ: số 3, đường P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Ông Đ

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà T.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa:

Gia đình ông Đ và bà T, có con là sinh viên, học tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Anh M (là con của ông Đ và bà T) học tại trường đại học YerSin Đà Lạt, có giấy xác nhận của nhà trường. Ông Đ có đơn và Ban tự quản thôn 05 và UBND xã Đ xác nhận là gia đình khó khăn nên được vay vốn của A thuộc chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Ngoài ra, ông Đ là thành viên tổ "Tiết kiệm và vay vốn" do ông H làm tổ trưởng và thuộc tổ chức Hội phụ nữ xã Đ quản lý

Ông Đ đã ký kết "Sổ vay vốn" (hợp đồng tín dụng) tín chấp với A. Ông Đ có mã khác hàng là 060913 (đến năm 2019, mã khách hàng mới của ông Đ là 6400055473), quá trình vay vốn cụ thể như sau:

- Ngày 20/10/2011, ông Đ làm đơn đề nghị vay vốn và kiêm phương án sử dụng vốn vay. Theo đơn, ông Đ đề nghị được vay vốn 15.000.000 đồng, phương án sử dụng đóng học phí 12 tháng 5.000.000 đồng, thuê phòng trọ 3.000.000 đồng, mua dụng cụ học tập 2.000.000 đồng, thời hạn thanh toán 92 tháng, kỳ trả nợ 06 tháng/lần, hạn thanh toán cuối cùng vào ngày 12/10/2018.

Sau khi kiểm tra hồ sơ vay vốn và điều kiện kinh tế của gia đình ông Đ, ngày 16/11/2011, A chấp nhận cho vay 10.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 0,65%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130%, thời hạn cho vay 84 tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng/lần, số tiền trả nợ gốc 05 triệu đồng/lần, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 12/10/2018. Tiền lãi được trả định kỳ hàng tháng.

- Ngày 29/11/2012, ông Đ tiếp tục làm đơn xin tiếp tục vay vốn thuộc chương trình cho vay học sinh, sinh viên. Căn cứ vào hồ sơ và điều kiện kinh tế gia đình ông Đ, A cho vay với số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn 130%, hạn thanh toán nợ ngày 12/10/2018. Tiền lãi được trả định kỳ hàng tháng, tiền gốc trả vào ngày 12/10/2018.

- Ngày 26/10/2016, giữa ông Đ và A có biên bản thỏa thuận trả nợ. Theo đó tổng số tiền vay 15.000.000 đồng, được trả trong 04 kỳ, cụ thể: ngày 11/9/2017 trả số tiền 3.750.000 đồng; ngày 11/3/2018 trả số tiền 3.750.000 đồng; ngày 11/9/2018 trả số tiền 3.750.000 đồng; ngày 11/3/2019 trả số tiền 3.750.000 đồng.

- Đến ngày 19/3/2019, ông Đ có đơn đề nghị gia hạn nợ, hạn thanh toán nợ gốc 15.000.000 đồng vào ngày 24/8/2019, đơn có xác nhận của UBND xã Đ và Hội nông dân xã Đ. Nên A đã tạo điều kiện cho gia đình ông Đ, gia hạn trả nợ gốc 15.000.000 triệu đồng đến ngày 24/8/2019.

A cho vay vốn tín chấp thuộc diện chính sách xã hội nên không cần thế chấp tài sản.

Lãi trong hạn được tính từ ngày 16/11/2011 đến ngày 24/8/2019, tổng số tiền lãi là 8.741.669 đồng, ông Đ và bà T đã thanh toán tiền lãi trong hạn là 3.779.772 đồng, còn lại 4.961.897 đồng. Lãi quá hạn 1.671.016 đồng, tính từ ngày 25/8/2019.

A khởi kiện và yêu cầu ông Đ, bà T phải thanh toán số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và lãi phát sinh tạm tính đến ngày

28/9/2020: lãi suất trong hạn 4.961.897 đồng và lãi suất quá hạn 1.671.016 đồng. Từ ngày 29/9/2020 ông Đ và bà T tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

- Bị đơn ông Đ và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà T: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tống đạt trực tiếp cho bà T (vợ ông Đ) Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập làm việc và đối chất; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, Quyết định xét xử và hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Đ và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà T nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời không cung cấp chứng cứ liên quan đến vụ án.

Tuy nhiên, biên bản giao nhận Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, bà T trực tiếp ghi trong biên bản là "Còn nợ A với số tiền 15 triệu đồng" và xin được trả dân khi hết dịch Covid - 19

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định pháp luật; Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015. Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải thanh toán số tiền gốc 15.000.000 đồng và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 28/9/2020: lãi suất trong hạn 4.961.897 đồng và lãi suất quá hạn 1.671.016 đồng. Từ ngày 29/9/2020 tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Về án phí, bị đơn ông Đ, bà T phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng". Bị đơn ông Đ và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quang bà T hiện đang sinh sống tại Thôn 5, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý và giải quyết vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ và bà T đã được tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt ông Đ và bà T là đúng theo quy định tại Điều 227 và

Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao. Ông Đ và bà T vắng mặt, không cung cấp chứng cứ, tài liệu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như đưa ra quan điểm để phán bác lại yêu cầu của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".* Như vậy, ông Đ và bà T phải chịu hậu quả về việc không đưa ra được và không đưa ra đủ chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[3] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào sổ vay vốn (hợp đồng tín dụng) số khế ước vay 6000006400069131, mã khác hàng là 060913 (mã khách hàng mới 6400055473), biên bản thỏa thuận và đơn đề nghị gia hạn trả nợ**.** Nguyên đơn A cho ông Đ và bà T vay số tiền gốc 15.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 16/11/2011, Acho vay 10.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 0,65%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130%, thời hạn cho 84 tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng/lần, số tiền trả nợ gốc 05 triệu đồng/lần, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 12/10/2018. Tiền lãi được trả định kỳ hàng tháng.

- Ngày 29/11/2012, A cho vay số tiền 05 triệu đồng, lãi suất trong hạn 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn 130%, hạn thanh toán nợ ngày 12/10/2018. Tiền lãi được trả định kỳ hàng tháng, tiền gốc trả vào ngày 12/10/2018.

- Ngày 26/10/2016, giữa ông Đ và A có biên bản thỏa thuận trả nợ tổng số tiền vay 15 triệu đồng, cụ thể: ngày 11/9/2017 trả số tiền 3,750,000 đồng; ngày 11/3/2018 trả số tiền 3,750,000 đồng; ngày 11/9/2018 trả số tiền 3,750,000 đồng; ngày 11/3/2019 trả số tiền 3,750,000 đồng. Ngày 19/3/2019, ông Đ làm giấy đề nghị gia hạn nợ 15.000.000 đồng vào ngày 24/8/2019, và A đồng ý.

[3.1] Xét việc thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng số khế ước vay 6000006400069131, giữa ông Đ và A: Nội dung hợp đồng phù hợp với các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30/12/2016 của ANhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng.

[3.2] Khi đến hạn thanh toán cho A nhưng ông Đ và bà T đã không tuân thủ đúng sự thỏa thuận của các bên, không thanh toán tiền gốc và tiền lãi khi đến hạn cho ngân hàng. A đã gia hạn để thanh toán nợ gốc và lãi nhưng ông Đ và bà T vẫn không có ý thức trả nợ cho ngân hàng. Theo biên bản thỏa thuận giữa A và ông Đ, bà T thì hạn thanh toán nợ gốc và lãi vào ngày 24/8/2019 nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ.

[3.3] Bà T (vợ ông Đ) trực tiếp ghi trong biên bản giao nhận là còn nợ A với số tiền 15 triệu đồng. Như vậy, yêu cầu khởi kiện và buộc ông Đ và bà T phải thanh toán số tiền gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho A là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[4] A yêu cầu ông Đ và bà T phải thanh toán số tiền nợ gốc theo hợp đồng tín dụng là 15.000.000 đồng và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 28/9/2020: Lãi suất trong hạn 4.961.897 đồng và lãi suất quá hạn 1.671.016 đồng. Từ ngày 29/9/2020, tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ là phù hợp cần chấp nhận.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông Đ và bà T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 điều 26; Khoản 1 điều 35; Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Áp dụng: Các Điều 463, 466, 468, 470, 688 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A

2. Buộc ông Đ và bà T phải thanh toán cho A tổng số tiền 21.632.913 đồng (*Hai mươi mốt triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn chín trăm mười ba đồng*), trong đó: Nợ gốc 15.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 28/9/2020: Lãi suất trong hạn 4.961.897 đồng, lãi suất quá hạn 1.671.016 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 29/9/2020) ông Đ và bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của A cho vay thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho A theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của A cho vay.

3. Về án phí: Ông Đ và bà T phải chịu 1.082.000 đồng *(Một triệu không trăm tám mươi hai đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và

9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện Đăk Mil;
- CCTHADS huyện Đăk Mil;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa

Lại Hồng Duy